

Bản án số: 815/2022/HS-PT

Ngày: 27 - 10 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 510/2022/TLPT-HS ngày 26 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo Lê Trương P, Nguyễn Văn H, Y T và Trương T1. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2022/HS-ST ngày 21-6-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **Lê Trương P**, tên gọi khác: P Đen, sinh ngày 07/9/1989 tại: Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Tổ 16, ấp 4, xã Trừ Văn T2, huyện Bàu B, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; giới tính: Nam; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 11/12; Họ và tên cha: Lê Văn K, sinh năm 1959; Họ và tên mẹ: Lê Thị H, sinh năm 1962; Anh chị em ruột: có 01 người (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: không.

+ Tiền án: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2020/HSST ngày 17/8/2020 của TAND huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử phạt bị cáo Lê Trương P 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, về tội cố ý gây thương tích theo điểm d khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, bị cáo chưa chấp hành.

Nhân thân:

Ngày 27/05/2009 bị TAND huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tuyên phạt 12 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 135 BLHS năm 1999 tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2009/HSST, chấp hành án xong ngày 02/3/2010 tại Trại giam Đồng Sơn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 18/8/2011 bị TAND huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 34 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 4 năm 08 tháng về tội cố ý gây thương tích theo khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999 tại Bản án số 60/2011/HS-ST.

Ngày 03/7/2014 bị TAND huyện Chơn Thành tuyên phạt 14 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 135 BLHS năm 1999, tổng hợp hình phạt 34 tháng tù tại Bản án số 56/2014/HSST, hình phạt chung 48 tháng tù, chấp hành án xong ngày 15/12/2016 (được giảm 04 tháng) tại Trại giam Đắk P'Lao, tỉnh Đắk Nông.

Bị cáo Lê Trương P bị áp dụng biện pháp bắt tạm giữ, tạm giam từ 27/3/2021 đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Trương P theo Luật định:* Luật sư N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước (có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, tên gọi khác: H cận, sinh ngày 30/07/1988 tại Nghệ An; Nơi cư trú: khối Ba H1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; giới tính: Nam. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 07/12; Họ và tên cha: Nguyễn Văn S, sinh năm 1954 (theo lý lịch bị can do Công an thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An lập ngày 14/01/2022) - tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai cha tên Nguyễn Văn V, sinh năm 1954; Họ và tên mẹ: Bành Thị H2, sinh năm 1954; Anh ruột: có 02 người, sinh năm 1984 và sinh năm 1986; Bị cáo có vợ: Thạch Thị Phương N1, sinh năm 1990; Con: có 01 người, sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 29/6/2006 bị TAND huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tuyên phạt 12 tháng tù (06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 và 06 tháng tù về tội cố ý gây thương tích theo khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999) tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2006/HSST.

Ngày 19/01/2011 bị TAND huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 năm tù (08 năm tù tội cướp tài sản theo điểm d, đ khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999

và 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2011/HSST.

Bị cáo Nguyễn Văn H bị áp dụng biện pháp bắt tạm giam từ 14/01/2022 đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H theo Luật định:* Luật sư Ngô Quốc C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước (có mặt).

3. Họ và tên: **Y T**, tên gọi khác: Bin, sinh ngày 17 tháng 9 năm: 1996 tại Đăk Lăk; Nơi cư trú: Thôn Bon Jun J, xã Đứk M, huyện M1, tỉnh Đăk Nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: M'Nông; Tôn giáo: Tin Lành. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 01/12; Họ và tên cha: Y B, sinh năm 1970; Họ và tên mẹ: H'D, sinh năm 1972; Anh chị ruột: có 02 người, sinh năm 1993 và 1994; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 04/02/2020 tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền, trốn truy nã đến 19/4/2021 bị bắt lại và ngày 20/7/2021 bị TAND huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tuyên phạt 09 tháng tù về tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS, tại Bản án số 27/2021/HSST.

Trong thời gian đang bị tạm giam về tội bắt giữ người trái pháp luật trong vụ án này, ngày 20/3/2021 bị cáo Y T tiếp tục có hành vi cố ý gây thương tích cho Trịnh Công Th (người bị giam giữ cùng buồng giam 9B2) 12%. Ngày 02/12/2021 bị TAND thành phố Đồng Xoài xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội cố ý gây thương tích theo khoản 2 Điều 134 BLHS, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Y T phải chấp hành 03 năm 03 tháng tù tại Bản án số 129/2021/HSST.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 20/01/2021 đến ngày 29/01/2021, chuyển tạm giam từ 29/01/2021 đến 19/4/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước thì được VKSND thành phố Đồng Xoài hủy biện pháp tạm giam. Cùng ngày 19/4/2021, bị can bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông thi hành lệnh bắt tạm giam trong vụ án khác (vụ án đánh bạc trên), hiện đang bị giam tại Trại giam Đăk P'Lao, tỉnh Đăk Nông (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Y T theo Luật định:* Luật sư Trần Hồng T2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước (có mặt).

- *Người phiên dịch:* Ông Y L; sinh năm: 1975 (có mặt).

Địa chỉ: xã X, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

4. Họ và tên: **Trương T1**, Sinh năm: 1993 tại: Ninh Thuận.

Nơi ĐKTT: Thôn Q3, xã P, huyện P1, tỉnh Ninh Thuận; Chỗ ở: ấp 2, xã Thành T3, huyện C1, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; Họ và tên cha: Trương B1, sinh năm 1972; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H4, sinh năm 1971; Anh, em ruột: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2005; Bị cáo có vợ: Trần Thị T4, sinh năm 1997; Bị cáo chưa có con (theo lý lịch bị can do Công an xã P, huyện P1, tỉnh Ninh Thuận lập ngày 02/02/2021) - tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo Trương T1 bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 20/01/2021 đến ngày 29/01/2021, chuyển tạm giam từ 29/01/2021 đến 19/4/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước thì được VKSND thành phố Đồng Xoài hủy biện pháp tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 11/01/2022 bị bắt tạm giam lại cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương T1 theo Luật định:* Luật sư Trịnh Đắc H5, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước (có mặt).

- *Bị hại:* Ông Voòng Nhục Q1; sinh năm: 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Phước.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phan Văn S1; sinh năm: 1970 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đức L, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước

2. Ông Nguyễn Văn B2; sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M1, xã Mỹ H5, huyện Đ4, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Voòng Nhục Q1 (thường gọi là Kiệt) có mối quan hệ quen biết với Lê Trương P. Khoảng 10 giờ ngày 21/12/2020, Q1 được người bạn tên Lộc (chưa rõ nhân thân) nhờ giải quyết mâu thuẫn trong việc làm ăn về bãi xe ben ở Chơn Thành với nhóm người Bình Dương nên Q1 điện thoại cho P (0764.373333) nói

có vụ tranh chấp xe Ben nhờ anh em hỗ trợ, P đồng ý. Sau đó, P gọi điện kêu Y T (A Đông, thường gọi là Bin), Nguyễn Văn H (H cận) và Hùng xăm, Lương trọc, Nam tóc dài, Tuấn, Sáng rồi Sáng gọi thêm khoảng 08 người khác (tất cả đều chưa rõ nhân thân) đi 3 xe ô tô đến một nhà hàng ở Minh H, Chơn Thành để giải quyết mâu thuẫn. Tại đây, P và Hùng có quen biết với người tên Lộc (chưa rõ nhân thân) của nhóm người Bình Dương nên nhóm người Bình Dương đã nhượng bộ và mâu thuẫn đã được dàn xếp ổn thỏa, Q1 bảo với P là sẽ chuyển trả tiền công sau, rồi đi về.

Ngày hôm sau, P gọi điện cho Q1 để đòi tiền công nhưng Q1 nói chưa có tiền. P tiếp tục gọi điện thì bị Q1 chặn cuộc gọi nhưng lại thấy Q1 đăng hình trên mạng xã hội khoe tiền. Do đó, P kêu Hùng, Y T, T1, H, Lương, Nam, Thanh, Tuấn đi đến nhà trọ “Minh N4” của chị Cao Thị Minh N4t, sinh năm 1961, tại KP 3, phường T4, thành phố Đ, nơi Q1 đang trọ để đòi tiền công, tất cả đồng ý.

Khoảng 01 giờ ngày 23/12/2020, tại Công ty thu hồi nợ NT, P điều khiển xe ô tô 4 chỗ nhãn hiệu Mazda 3, màu xanh BS 61A-722.73 của ông Lê Văn K (cha P) chở theo H, Nam, Tuấn và thuê 01 xe ô tô 7 chỗ hiệu INNOVA, màu bạc (không rõ Biển số, chủ xe) do một nam thanh niên (chưa rõ nhân thân lai lịch) điều khiển chở theo Y T, Trương T1, Hùng, Lương và Thanh cùng nhau đi đến nhà trọ “Minh N4”.

Đến 01 giờ 38 phút cùng ngày, khi đến nhà trọ “Minh N4”, Y T dẫn Hùng đi vào nhà trọ. Khi xác định Q1 đang ở phòng số 3 thì cả nhóm tiếp cận và bao vây trước cửa phòng trọ số 3. Do sợ Q1 biết việc sẽ không mở cửa nên khi sắp đến phòng trọ số 3 thì không ai nói gì, đi lại nhẹ nhàng để không phát ra tiếng động. Lúc này, Hùng gọi điện thoại cho Q1 nói: *“anh đi lỗ đường cho anh vào ngủ nhờ”* để cho Q1 mở cửa. Khi Q1 vừa mở cửa phòng trọ số 3 thì bị P Đen dùng tay đẩy vào và hỏi: *“sao mày lấy tiền rồi mà không trả cho anh em tao”*, Q1 trả lời *“từ từ tôi đưa, tôi chưa lấy được tiền”* thì bị P dùng tay đánh 2 cái vào mặt. Thấy vậy, Y T, Lương, Nam, H, Tuấn, Thanh lao vào, dùng tay, chân đánh vào người Q1, còn T1 đứng ở cửa, không cho Q1 chạy ra ngoài. Do lo sợ ồn ào, làm mọi người xung quanh biết nên P kêu *“đưa nó về công ty”*, rồi Nam và Tuấn giữ hai tay của Q1, Thanh dùng tay đẩy lưng Q1 ra xe ô tô Mazda 3 của P (*hình ảnh video camera lúc 01h41*). Khi lên xe, Nam, H, Q1 ngồi dãy ghế phía sau (Q1 ngồi giữa, Nam và H ngồi hai bên giữ Q1), còn P điều khiển xe và Tuấn ngồi ghế phụ; những người còn lại cùng lên xe 7 chỗ, rồi cùng về Công ty NT. (BL 491, 492, 493, 494, 499).

Khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, về đến Công ty NT (cũ), H và Nam nắm tay áo của Q1, P đẩy Q1 vào ngòi ở ghế trong văn phòng. Ngay sau đó, P nói: *“tiền mày lấy rồi sao không chịu trả cho tụi tao”*, Q1 trả lời: *“không có”*. Ngay lúc này, Nam dùng một dây xích màu đen, dài khoảng 60 cm, đường kính khoảng 2cm đánh vào lưng Q1, vừa đánh Nam vừa nói *“sao mày không chuyển tiền cho tụi tao”*; P và Tuấn dùng tay, chân đánh vào người Q1; H cầm dao mào dài khoảng 40 cm, cán dao dài 10 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, bản rộng khoảng 5 cm, lưỡi dao hình vòng cung kè vào cổ Q1 và nói *“mày giỡn mặt với tao à”* rồi gõ lên bàn và nói *“bây giờ mày có trả tiền cho anh em tao không?”*, Q1 trả lời để Q1 điện thoại mượn tiền chuyển; những người còn lại thì ngồi xung quanh phòng để giữ, không chế không cho Q1 phản ứng lại hay đi ra khỏi căn phòng. P yêu cầu Q1 phải trả tiền công là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và phải trả tiền trước 09 giờ sáng, nếu không sẽ giết Q1. Lúc này, Q1 sợ nên đã dùng điện thoại gọi khoảng 04 cuộc cho anh S1 để mượn tiền chuyển vào tài khoản theo yêu cầu của P nhưng anh S1 không nghe máy. Sau đó, H, Thanh đưa Q1 vào nhà vệ sinh canh giữ, rồi Y T, Trương T1, Lương, Hùng về nhà trọ nghỉ, còn P, Nam, H tiếp tục ở lại văn phòng canh giữ Q1.

Đến 05 giờ 00 cùng ngày, H dùng dao uy hiếp, bắt Q1 gọi điện cho người thân để mượn tiền nhưng không ai nghe máy. Q1 gọi điện thoại cho Lộc (không rõ nhân thân, làm Công ty cầu đường) để lấy tiền thì Lộc bảo không có tiền. Q1 tiếp tục gọi cho cô của Lộc (không rõ nhân thân) và cô Xuyên (không rõ nhân thân) để mượn tiền thì không có tiền.

Đến 06 giờ 00 cùng ngày, Q1 liên lạc được với anh S1 và nói: *“anh chạy đâu giùm em 300.000.000 đồng”*, anh S1 nói: *“có phải 3 triệu đâu mà có”*, Q1 nói: *“cờ nào anh cũng phải kiếm, không là em chết”*, anh S1 hỏi: *“có vụ gì”* thì Q1 nói: *“bây giờ em không thể giải thích được”* rồi cúp máy. Sau đó, cứ khoảng 5 phút, Q1 tiếp tục gọi điện thoại hỏi anh S1 có tiền chưa, anh S1 nói: *“chưa, để anh xoay tiền”* rồi Q1 lại tắt máy. Sau đó, anh S1 điện thoại cho Nguyễn Văn B2 hỏi mượn (vay) 300.000.000 đồng và anh B2 điện hỏi mượn và được chị Trần Thị N5 nói chỉ có 200.000.000 đồng nên anh B2 điện báo lại cho anh S1 biết và được anh S1 gọi điện báo lại cho Q1 nói chỉ có 200.000.000đ. Nghe vậy, P đồng ý lấy 200.000.000đ rồi yêu cầu Q1 nói với S1 là chuyển số tiền đó vào số tài khoản 0841000084805 của Nguyễn Văn H thuộc ngân hàng Vietcombank, anh S1 đồng ý rồi nói anh B2 biết. Sau đó, anh B2 vay và nhờ chị N5 chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản của H, N5 chuyển tiền với nội dung *“Chị X trả”* (Nguyễn Thị X là vợ B2). (BL332, 335, 479-480, 481-482, 483-484, 485-

486).

Đến khoảng 07 giờ 00 cùng ngày, P dùng xe Mazda 3 trên chổ Q1 cùng Nam, H, Tuấn đến quán cà phê gần Công ty NT để chờ người nhà của Q1 chuyển tiền. Tại đây, nhóm P tiếp tục đe dọa, ép buộc Q1 tiếp tục gọi điện thoại hối thúc chuyển tiền. Đến khoảng 09 giờ 15 phút, tài khoản của H báo đã nhận được 200.000.000đ thì Nam và Tuấn ở lại giữ Q1, còn P chở H đến trụ sở Ngân hàng Vietcombank (phòng giao dịch Chơn Thành) rút tiền mặt (lúc 09h51'58'') được 198.000.000 đồng (do bị trừ tiền dịch vụ) rồi trở lại quán (BL 325, 328-329). Lúc này, P cho Q1 1.500.000đ để thuê xe taxi về. Số tiền còn lại, P chia đều cho Hùng, Y T, H, Lương, Nam, Tuấn, Thanh, T1 mỗi người là 10.000.000 đồng và nhóm người của Sáng 90.000.000đ. Số tiền này, P, H, Y T và T1 đã tiêu xài hết.

Đến ngày 28/12/2020 Q1 đã đến Công an thành phố Đồng Xoài để trình báo sự việc trên (BL 01). Cùng ngày, Y T và Trương T1 đến Công an Đồng Xoài đầu thú (BL 251-252, 188-189). Riêng P lẫn trốn tại Đức Hòa, Long An, ngày 27/3/2021 thì bị bắt giữ (BL114, 122).

Tại Kết luận giám định pháp y số 04/2021/TgT ngày 14/01/2021 của trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Bình Phước kết luận về pháp y thương tích của Vòng Nhục Q1:

Dấu vết chính qua giám định:

Bầm tím, sưng nề vùng lưng + vai phải không còn dấu vết tổn thương

=> thương tích có đặc điểm của thương tích do vật tày cứng tác động theo hướng từ sau ra trước; không xác định được lực tác động.

Bầm tím hốc mắt trái không còn dấu vết tổn thương

=> thương tích có đặc điểm của thương tích do vật tày cứng tác động theo hướng từ trước ra sau; không xác định được lực tác động.

- vùng đầu không có dấu vết tổn thương

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 0% (không phần trăm) (BL 25, 32-33).

Tại cơ quan điều tra, các bị can đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên (136-137, 140-141, 142-143, 144-147, 151-152, 160-163, 164-167, 168-171, 162-177, 178-189, 180-183; 190-193, 194-197, 198-199, 200-203, 204-207, 210-213, 231-234, 235-238, 239-240, 241-242); 255-260, 261-264,

265-270, 271-272, 273-274, 275-276, 268-269, 290-294a, 294b-294e, 297-298; 438-441, 442-225, 448-449, 450; 02-05, 06-07, 08-09, 10-14; 479-480, 481-482; 483-484, 485-486)

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

01 Điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A71 màu xanh đen của P (hiện đã bị phồng pin, bung nắp lưng): là phương tiện dùng để liên lạc các bị can khác để thực hiện tội phạm. Các điện thoại động của các bị can khác, Cơ quan điều tra không thu giữ được. (BL 114,579)

01 chứng minh nhân dân số 241570331 ghi họ tên A Đông (BL252a)

01 phong bì bên ngoài ghi USB ở ngân hàng, đã niêm phong (BL330)

01 phong bì bên ngoài ghi: đĩa ghi hình bị hại Q1 bị bắt tại nhà trọ Minh Nguyệt thuộc phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài ngày 23/12/2021, đã niêm phong (BL 23).

01 con dao mào dài khoảng 40 cm, cán dao dài 10 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, bản rộng khoảng 5 cm, lưỡi dao hình vòng cung H dùng để đánh Q1 và 01 dây xích màu đen, dài khoảng 60 cm, đường kính khoảng 2cm Nam đánh Q1, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại Bản cáo trạng số 16/CT-VKS-P1 ngày 23/3/2022 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Lê Trương P, Nguyễn Văn H, Y T, Trương T1 về tội “Cướp tài sản”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 168 của Bộ luật Hình sự, tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2022/HS-ST ngày 21-6-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước quyết định:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố các bị cáo Lê Trương P (tên gọi khác: P Đen), Nguyễn Văn H (tên gọi khác: H cận), Y T, Trương T1 phạm tội “*Cướp tài sản*”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 168 của Bộ luật Hình sự, tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự.

2. *Về hình phạt chính:*

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 BLHS của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Trương P 14 (mười bốn) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt Lê Trương P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của 02 tội. Buộc bị cáo Lê Trương P phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” của Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2020/HSST, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 17 (mười bảy) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2021, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam của tội “Cố ý gây thương tích” từ ngày 04/3/2020 đến ngày 07/5/2020.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38; Điều 50, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của 02 tội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2022.

3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38; Điều 50, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Y T 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trong vụ án này từ ngày 20/01/2021 đến ngày 19/4/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Y T 01 (một) năm tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của 02 tội. Buộc bị cáo Y T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trong vụ án này từ ngày 20/01/2021 đến ngày 19/4/2021.

Áp dụng Điều 56 tổng hợp hình phạt chung của bản án Bản án số 129/2021/HSST ngày 02/12/2021 của TAND thành phố Đồng Xoài, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2021, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trong vụ án này từ ngày 20/01/2021 đến ngày 18/4/2021.

4. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trương T1 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2022, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 20/01/2021 đến ngày 19/4/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trương T1 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của 02 tội. Buộc bị cáo Trương T1 phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2022, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 20/01/2021 đến ngày 19/4/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 23/6/2022, bị cáo Lê Trương P và Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và xin xem xét lại tội “Cướp tài sản”.

Cùng ngày 28/6/2022, bị cáo Trương T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Y T kháng cáo kêu oan về tội “Cướp tài sản” và xin giảm hình phạt về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Lê Trương P, Nguyễn Văn H, Y T và Trương T1 thừa nhận hành vi phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt về tội này. Đối với tội “Cướp tài sản”, các bị cáo P, H không thừa nhận và cho rằng hành vi bắt bị hại đưa về trụ sở Công ty đòi nợ NT và buộc bị hại chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản của bị cáo H, chỉ cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”; bị cáo Y T và Trương T1 kêu oan vì các bị cáo không tham gia uy hiếp buộc bị hại chuyển tiền, nên cùng kháng cáo xin xem xét lại tội danh này.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Trương P theo Luật định, Luật sư N phát biểu ý kiến: bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Trương P phạm tội “Cướp tài sản” là chưa đúng vì kết luận giám định thể hiện bị hại không có thương tích, phù hợp với lời khai của các bị cáo về việc dùng tay chân đánh bị hại, bị cáo H dùng dao còn trong bao, gõ lên bàn nhằm mục đích uy hiếp tinh thần để bị hại trả tiền công cho nhóm bị cáo như đã thỏa thuận. Bị hại tự nguyện gọi điện thoại về cho gia đình để nhờ trả tiền. Do đó, bị cáo P, phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” chứ không phải “Cướp tài sản”.

Đối với tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, bị cáo P có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, cha mẹ già yếu, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H theo Luật định, Luật sư Ngô Quốc C phát biểu ý kiến: về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cướp tài sản” và “Bắt, giữ người trái pháp luật” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, xét về mối quan hệ trong vụ án, bị hại nhờ nhóm bị cáo dàn xếp mâu thuẫn và thỏa thuận trả tiền công nhưng không trả mà còn khoe tiền trên mạng xã hội, nên mới dẫn đến việc các bị cáo đi đòi tiền. Bị cáo H tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, các bị cáo không bàn bạc trước, số tiền chiếm đoạt là 200.000.000 đồng là tình tiết định khung khởi điểm của khung hình phạt tại khoản 3 Điều 168 Bộ luật hình sự nên mức án bản án sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là nặng; ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ già, con nhỏ, gia đình có công với cách mạng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Y T theo Luật định, Luật sư Trần Hồng T2 phát biểu ý kiến: bị cáo Y T và bị cáo P đều thừa nhận việc Y T đưa nhóm P đến nhà trọ của bị hại nhưng không biết mục đích của P là gì; khi đưa Q1 về công ty thì Y T đã đi về nhà và không biết diễn biến sự việc sau đó, bị cáo cũng không có hành vi dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực đối với bị hại nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” là không phù hợp. Đối với tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, bị cáo là đồng phạm với các bị cáo khác nhưng đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh gia đình khó khăn, để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Trương T1 theo Luật định, Luật sư Trịnh Đắc H5 phát biểu ý kiến: Về tội “Cướp tài sản”, bị cáo Trương T1 không được P cho

biết mục đích đi bắt giữ Q1, khi đến nhà Q1 cũng như ở công ty NT, bị cáo cũng không tham gia đánh hay uy hiếp bị hại để buộc phải trả tiền. Số tiền 10.000.000 đồng bị cáo P đưa cho bị cáo T1 nhưng không nói là tiền gì, các bị cáo thống nhất khai nhận P cho tiền tiêu xài nên bị cáo không phạm tội “Cướp tài sản”. Đối với tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh khó khăn của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 168 và khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan, nên kháng cáo xin xem xét lại tội danh “Cướp tài sản” là không có cơ sở. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, bản thân các bị cáo có nhân thân xấu, tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cũng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” như bản án sơ thẩm đã nêu. Đối với tội “Cướp tài sản”, bị cáo Lê Trương P, Nguyễn Văn H cho rằng hành vi của các bị cáo không phạm tội “Cướp tài sản” mà chỉ cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”; bị cáo Y T và Trương T1 cho rằng bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” là oan vì các bị cáo không sử dụng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để buộc bị hại phải trả tiền. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, biên bản tiếp nhận người ra đầu thú, trích xuất dữ liệu điện tử từ

camera, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng của vụ án cùng những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định như sau:

[2.1] Do bị hại Voòng Nhục Q1 có nợ tiền công trong quan hệ làm ăn nên bị cáo P đã yêu cầu Q1 trả tiền nhưng bị hại chưa trả và chặn số điện thoại. Vì bức tức nên bị cáo P đã khởi xướng các bị cáo khác đến phòng trọ của Q1 để đòi tiền. Vào lúc 01 giờ 38 phút đến 01 giờ 41 phút ngày 23/12/2020, Lê Trương P cùng Nguyễn Văn H, Y T, Trương T1 và các đối tượng Hùng, Lương, Thanh, Tuấn và Nam (không rõ lai lịch) đến phòng trọ của Q1 tại nhà trọ Minh N4 địa chỉ phường T5, thành phố Đ. Tại đây, bị hại bị P dùng tay đánh 2 cái vào mặt và bị Y T, Lương, Nam, H, Tuấn, Thanh dùng tay, chân đánh vào người, còn T1 đứng ở cửa, không cho bị hại chạy ra ngoài. Sau đó, các bị cáo bắt Q1 đưa về Văn phòng của Công ty NT tại xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước và giữ bị hại Q1 từ khoảng 02 giờ 20 phút đến khoảng 07 giờ 00 phút ngày 23/12/2020, rồi đưa đến quán cà phê cách đó khoảng 01km tiếp tục giữ anh Q1 đến khoảng 10 giờ 00 cùng ngày mới cho anh Q1 về.

[2.2] Trong quá trình giữ bị hại Q1 tại Công ty NT, đối tượng Nam dùng một dây xích màu đen, dài khoảng 60cm, đường kính khoảng 2cm đánh vào lưng bị hại Q1; P và Tuấn dùng tay chân đánh bị hại; H dùng dao dài khoảng 40 cm, cán dao dài 10 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, bản rộng khoảng 5 cm, lưỡi dao hình vòng cung gõ xuống bàn đe dọa Q1; các bị cáo Y T, Trương T1 và các đối tượng còn lại đứng xung quanh để đe dọa, uy hiếp tinh thần, không chế không cho bị hại chống cự hoặc bỏ chạy, làm cho bị hại tê liệt ý chí để buộc bị hại phải chuyển vào tài khoản của bị cáo H 200.000.000 đồng.

[2.3] Với các hành vi nêu trên, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Trương P, Nguyễn Văn H, Y T và Trương T1 phạm tội “*Cướp tài sản*”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 168 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), và tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo xin xem xét lại tội danh “*Cướp tài sản*”.

[3.1] Lê Trương P và Nguyễn Văn H cho rằng hành vi của các bị cáo chỉ cấu thành tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, không phải “*Cướp tài sản*” như bản án sơ thẩm đã quy kết. Xét thấy, các bị cáo và đồng phạm đã thực hiện các hành vi nêu tại mục [2.1] và [2.2] vào ban đêm, trong khi tương quan lực lượng chỉ có

một mình bị hại và đang bị nhốt trong phòng, nhưng có đến 09 người thuộc nhóm của các bị cáo đứng vây quanh. Như vậy, hành vi của các bị cáo P, H là đã dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc chứ không còn là uy hiếp tinh thần, bị hại không còn lựa chọn nào khác mà buộc phải gọi điện mượn tiền và nhờ chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo H để bảo toàn tính mạng, sức khỏe. Do đó, hành vi của các bị cáo Lê Trương P, Nguyễn Văn H đã cấu thành tội “Cướp tài sản” nên kháng cáo này của 02 bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với bị cáo Y T và Trương T1, các bị cáo đều biết rõ mục đích của P đến phòng trọ của bị hại để đòi tiền, bị cáo Y T là người dẫn các bị cáo đến chỗ ở bị hại, Y T lao vào đánh bị hại, còn T1 đứng canh cửa không cho bị hại thoát, sau đó cùng các bị cáo khác đưa bị hại về tại Công ty thu hồi nợ NT và chứng kiến các bị cáo khác dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực đối với bị hại, nhưng không có hành vi ngăn cản mà tiếp nhận ý chí của các bị cáo khác và cùng các đồng phạm Nam, Hùng Xăm, Thanh, Tuấn đứng xung quanh bị hại không cho bị hại đi ra ngoài tầm kiểm soát và áp đảo, uy hiếp tinh thần bị hại, buộc bị hại phải chuyển tiền là hành vi giúp sức. Do đó, các bị cáo Y T và Trương T1, phạm tội “Cướp tài sản” với vai trò giúp sức, nên kháng cáo kêu oan về tội danh này của các bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[4.1] Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, xâm phạm quyền tự do về thân thể và quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời xâm phạm đến trật tự công cộng, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trị an tại địa phương; vì vậy cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4.2] Bị cáo Lê Trương P giữ vai trò chủ mưu và cũng là người thực hành có vai trò tích cực trong vụ án. Khi lượng hình, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đồng thời xác định bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân rất xấu, ngày 27/05/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tuyên phạt 12 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999 tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2009/HSST; ngày 18/8/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tuyên phạt

34 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 4 năm 08 tháng về tội cố ý gây thương tích theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 tại Bản án số 60/2011/HS-ST; ngày 03/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xử phạt 14 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 của Bộ luật hình sự. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo P 14 (mười bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội buộc bị cáo chấp hành 15 năm 06 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện và nhân thân của bị cáo.

[4.3] Bị cáo Nguyễn Văn H giữ vai trò là người thực hành tích cực. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, và áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; đồng thời, xem xét nhân thân của bị cáo từng nhiều lần bị Tòa án xét xử cụ thể: ngày 29/6/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tuyên phạt 12 tháng tù (06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 và 06 tháng tù về tội cố ý gây thương tích theo khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999) tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2006/HSST; Ngày 19/01/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 năm tù về tội cướp tài sản và tội trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2011/HSST, từ đó xử phạt bị cáo 13 (mười ba) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 01 năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội là 14 năm tù là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4.4] Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Y T giữ vai trò giúp sức, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo và đầu thú; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo là người dân tộc thiểu số, quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đồng thời đánh giá về nhân thân của bị cáo từng nhiều lần phạm tội như ngày 04/02/2020 bị cáo tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền, trốn truy nã đến 19/4/2021 bị bắt lại và ngày 20/7/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tuyên phạt 09 tháng tù về tội đánh bạc; trong thời gian đang bị tạm giam về tội bắt giữ người trái pháp luật trong vụ án này, ngày 20/3/2021 bị cáo Y T tiếp tục có hành vi cố ý gây thương tích cho Trịnh Công Th (người bị giam giữ cùng buồng giam 9B2) 12%, ngày 02/12/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố

Đồng Xoài xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội cố ý gây thương tích theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự tại Bản án số 129/2021/HSST. Từ đó, xử phạt bị cáo Y T 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 01 (một) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội là 13 năm 06 tháng tù, là không nặng, phù hợp với vị trí, vai trò phạm tội, nhân thân của bị cáo và đúng quy định của pháp luật.

[4.5] Đối với bị cáo Trương T1, khi lượng hình, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo có vai trò giúp sức, không có tình tiết tăng nặng và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, ngoài ra còn xem xét bị cáo có nhân thân tốt để xử phạt bị cáo 12 (mười hai) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội là 12 năm 06 tháng tù, là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo xin xem xét lại tội danh “Cướp tài sản” và xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo cũng như đề nghị của những người bào chữa, và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[6] Ngoài ra, về lý lịch của bị cáo Trương T1, theo lý lịch bị can (BL 184) và phần thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm, có cơ sở xác định bị cáo Trương T1 sinh năm 1993. Bản án sơ thẩm tại phần lý lịch của bị cáo lại ghi bị cáo sinh năm 1989, là chưa đúng nên cần sửa lại cho đúng với lý lịch tư pháp của bị cáo.

[7] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Lê Trương P, Nguyễn Văn H, Y T và Trương T1 phải chịu, theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Trương P, Nguyễn Văn H, Y T và Trương T1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2022/HS-ST ngày 21-6-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Tuyên xử:

[I] *Về tội danh:* Tuyên bố các bị cáo Lê Trương P (tên gọi khác: P Đen), Nguyễn Văn H (tên gọi khác: H cận), Y T, Trương T1 phạm tội “*Cướp tài sản*”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 168 của Bộ luật Hình sự, tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự.

[II] *Về hình phạt chính:*

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Trương P 14 (mười bốn) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt Lê Trương P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của 02 tội. Buộc bị cáo Lê Trương P phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” của Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2020/HSST, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 17 (mười bảy) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2021, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam của tội “*Cố ý gây thương tích*” từ ngày 04/3/2020 đến ngày 07/5/2020.

Tiếp tục giam bị cáo Lê Trương P để đảm bảo thi hành án.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38; Điều 50, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của 02 tội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2022.

Tiếp tục giam bị cáo Nguyễn Văn H để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38; Điều 50, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Y T 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trong vụ án này từ ngày 20/01/2021 đến ngày 19/4/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Y T 01 (một) năm tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của 02 tội. Buộc bị cáo Y T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trong vụ án này từ ngày 20/01/2021 đến ngày 19/4/2021.

Áp dụng Điều 56 tổng hợp hình phạt chung của Bản án số 129/2021/HSST ngày 02/12/2021 của TAND thành phố Đồng Xoài, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2021, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trong vụ án này từ ngày 20/01/2021 đến ngày 18/4/2021.

4. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trương T1 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2022, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 20/01/2021 đến ngày 19/4/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trương T1 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của 02 tội. Buộc bị cáo Trương T1 phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2022, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 20/01/2021 đến ngày 19/4/2021.

Tiếp tục giam bị cáo Trương T1 để đảm bảo thi hành án.

[III] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[IV] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Lê Trương P, Nguyễn Văn H, Y T và Trương T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Bình Phước; (5)
- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- Công an tỉnh Bình Phước; (1)
- Sở tư pháp nơi bị cáo cư trú; (4)
- Cục THA DS tỉnh Bình Phước (1)
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước; (1)
- “Đề tổng đạt cho bị cáo” (1)
- Lưu hồ sơ vụ án (1), VP (5). 23b. (PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Nhựt Bình